

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019
PHÂN THEO KHOA NGÀNH

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Điện công nghiệp	556	1	9	1,62	18	3,24	42	7,55	482	86,69	5	0,90	
	Điện tử công nghiệp	63	0	0	0,00	2	3,17	5	7,94	56	88,89	0	0,00	
	CNKT Điện_Điện tử	338	5	19	5,62	18	5,33	43	12,72	221	65,38	37	10,95	
	Cơ điện tử	110	1	3	2,73	3	2,73	16	14,55	79	71,82	9	8,18	
	CNKT ĐK Tự động	144	1	4	2,78	6	4,17	12	8,33	120	83,33	2	1,39	
	Điện công nghiệp	206	4	0	0,00	24	11,65	36	17,48	128	62,14	18	8,74	
	Điện tử công nghiệp	40	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	36	90,00	4	10,00	
	CNKT Điện_Điện tử	86	0	0	0,00	0	0,00	4	4,65	63	73,26	19	22,09	
	Cơ điện tử	41	0	2	4,88	5	12,20	7	17,07	24	58,54	3	7,32	
2	Điện lạnh	118	0	0	0,00	1	0,85	0	0,00	115	97,46	2	1,69	
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	143	1	4	2,80	5	3,50	12	8,39	121	84,62	1	0,70	
	VH - SC thiết bị lạnh	185	0	1	0,54	3	1,62	10	5,41	165	89,19	6	3,24	
	CNKT Nhiệt	115	0	4	3,48	6	5,22	20	17,39	81	70,43	4	3,48	
	Lắp đặt thiết bị lạnh	81	0	0	0,00	1	1,23	2	2,47	76	93,83	2	2,47	
	CNKT Nhiệt	36	0	0	0,00	0	0,00	4	11,11	28	77,78	4	11,11	
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	41	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	27	65,85	14	34,15	
	VH - SC thiết bị lạnh	92	0	0	0,00	0	0,00	4	4,35	84	91,30	4	4,35	
3	Cơ điện	14	0	0	0,00	0	0,00	4	28,57	9	64,29	1	7,14	
	Cơ điện tử	11	0	0	0,00	0	0,00	2	18,18	9	81,82	0	0,00	
	KT-BT-SC máy CNC	16	0	0	0,00	1	6,25	1	6,25	14	87,50	0	0,00	
	Bảo trì HT - TB - CN	45	0	2	4,44	1	2,22	9	20,00	32	71,11	1	2,22	
	Cắt gọt kim loại	33	0	0	0,00	1	3,03	8	24,24	24	72,73	0	0,00	
	CNKT Cơ khí	716	4	9	1,26	39	5,45	132	18,44	504	70,39	32	4,47	
	CN Chế tạo máy	339	2	9	2,65	22	6,49	49	14,45	245	72,27	14	4,13	
	Cắt gọt kim loại	43	0	0	0,00	2	4,65	4	9,30	35	81,40	2	4,65	
	Cơ khí chế tạo	31	0	0	0,00	0	0,00	2	6,45	26	83,87	3	9,68	
	CNKT Cơ khí	118	0	6	5,08	2	1,69	7	5,93	88	74,58	15	12,71	

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
4	Công nghệ Ô Tô	1925	10	19	0,99	78	4,05	340	17,66	1452	75,43	36	1,87	
	BT & SC Ô Tô	29	0	0	0,00	0	0,00	1	3,45	28	96,55	0	0,00	
	Công nghệ Ô Tô	462	3	2	0,43	3	0,65	28	6,06	389	84,20	40	8,66	
5	CN May & Thời trang	84	77	3	3,57	5	5,95	6	7,14	66	78,57	4	4,76	
	Công nghệ May	144	134	31	21,53	32	22,22	51	35,42	29	20,14	1	0,69	
	CN May & Thời trang	104	91	0	0,00	1	0,96	11	10,58	72	69,23	20	19,23	
6	Công nghệ phần mềm	51	3	0	0,00	0	0,00	3	5,88	47	92,16	1	1,96	
	Mạng MT, QT Mạng	173	14	1	0,58	6	3,47	25	14,45	130	75,14	11	6,36	
	An ninh mạng	16	0	0	0,00	0	0,00	3	18,75	12	75,00	1	6,25	
	CNKTK Máy tính	96	1	2	2,08	2	2,08	13	13,54	70	72,92	9	9,38	
	CN Web, TK Web	61	5	0	0,00	0	0,00	9	14,75	51	83,61	1	1,64	
	Tin học ứng dụng	46	3	1	2,17	1	2,17	13	28,26	31	67,39	0	0,00	
	Thiết kế đồ họa	53	7	1	1,89	6	11,32	11	20,75	35	66,04	0	0,00	
	Thương mại điện tử	14	2	0	0,00	2	14,29	0	0,00	12	85,71	0	0,00	
	Lập trình máy tính	125	6	2	1,60	6	4,80	29	23,20	83	66,40	5	4,00	
	Quản trị MMT	152	7	0	0,00	0	0,00	7	4,61	129	84,87	16	10,53	
	Lập trình máy tính	100	7	0	0,00	4	4,00	10	10,00	73	73,00	13	13,00	
	An ninh mạng	38	4	3	7,89	5	13,16	13	34,21	17	44,74	0	0,00	
	CNKTK phần cứng MT	73	0	0	0,00	1	1,37	13	17,81	58	79,45	1	1,37	
	Thiết kế trang Web	55	6	0	0,00	0	0,00	4	7,27	47	85,45	4	7,27	
	Tin học ứng dụng	102	25	0	0,00	6	5,88	7	6,86	81	79,41	8	7,84	
	Thiết kế đồ họa	77	22	0	0,00	4	5,19	16	20,78	51	66,23	6	7,79	
7	Kế toán doanh nghiệp	137	114	9	6,57	18	13,14	26	18,98	81	59,12	3	2,19	
	Quản trị doanh nghiệp	115	64	3	2,61	5	4,35	10	8,70	91	79,13	6	5,22	
	Kế toán doanh nghiệp	104	90	0	0,00	8	7,69	21	20,19	67	64,42	8	7,69	
	Quản trị doanh nghiệp	153	90	0	0,00	2	1,31	21	13,73	111	72,55	19	12,42	
	Tài chính doanh nghiệp	18	9	0	0,00	0	0,00	2	11,11	16	88,89	0	0,00	

S TT	NGÀNH	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
8	Tiếng Anh	90	53	0	0,00	9	10,00	19	21,11	62	68,89	0	0,00	
	Tiếng Anh	196	121	0	0,00	1	0,51	16	8,16	144	73,47	35	17,86	
9	Kỹ thuật Xây dựng	57	1	2	3,51	7	12,28	12	21,05	36	63,16	0	0,00	
	Kỹ thuật Xây dựng	20	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	20	100,00	0	0,00	
TỔNG TOÀN TRƯỜNG		8.631	989	151	1,75	372	4,31	1.175	13,61	6.483	75,11	450	5,21	10 BLKQ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Lê Xuân Thiện

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

